|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số:  /2025/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày   tháng  năm 2025* |

**DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**(Dự thảo 2)**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định* *sửa đổi, bổ sung* *một số điều* *của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Nghị định số 105/2016/NĐ-CP).**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 4, Điều 9 như sau:

“**Điều 3. Điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ**

1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn đo lường, phương tiện đo, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) đáp ứng yêu cầu của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có năng lực phù hợp và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của người đứng đầu tổ chức; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.

3. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật cho mỗi lĩnh vực hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

b) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;

b) Có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ cơ sở về đo lường do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với từng lĩnh vực đăng ký hoạt động.

4. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực đăng ký hoạt động kiểm định; có chứng chỉ công nhận phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực đăng ký hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm.

5. Có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng ký) theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 4. Điều kiện hoạt động của tổ chức được chỉ định**

1. Đáp ứng đủ điều kiện hoạt động quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 của Nghị định này.

2. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực hoạt động được chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật đo lường.

3. Có ít nhất 01 nhân viên kiểm định được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường cho mỗi lĩnh vực hoạt động kiểm định phương tiện đo nhóm 2 được chỉ định.

4. Đã được chỉ định theo quy định tại Điều 25 của Luật đo lường.

**Điều 9. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ**

“1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

b) Ban hành nội dung, chương trình đào tạo nghiệp vụ cơ sở về đo lường;

c) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Nghị định này và định kỳ 3 năm thực hiện rà soát đối với hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ và tổ chức được chỉ định trên phạm vi cả nước;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu chung về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên phạm vi cả nước.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Đăng ký, công khai, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, phù hợp, độ tin cậy, khả năng truy xuất của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký; tuân thủ, duy trì và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc tổ chức thực hiện các điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định này;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; mẫu chứng chỉ, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;

d) Định kỳ hàng tháng trước ngày cuối cùng của tháng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập và gửi báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) bằng phương thức điện tử về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Uỷ ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi trụ sở chính và địa điểm hoạt động.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.”.

3. Bổ sung Điều 7a như sau:

“**Điều 7a. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký**

1. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký nếu phát hiện tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm vi phạm một trong các quy định sau:

a) Không duy trì đúng một trong các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 Nghị định này;

b) Không thực hiện đầy đủ một trong các trách nhiệm quy định tại Điều 11 Nghị định này hoặc Điều 7 Luật Đo lường;

c) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký;

d) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp;

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký chỉ được xem xét cấp lại sau khi đã khắc phục các vi phạm và có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

3. Trường hợp hành vi vi phạm đã được xử phạt theo quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì không áp dụng việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Thường xuyên cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu chung về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng.”.

**Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.**

1. Thay thế cụm từ “Danh mục hồ sơ” bằng cụm từ “Danh mục các quy trình/thủ tục; cụm từ “đã thiết lập và duy trì” thành cụm từ “đã xây dựng và áp dụng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025” tại khoản 4 Điều 5; đoạn “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 1 Điều 6, cụm từ “ Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 3 Điều 6, cụm từ “Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” tại khoản 4 Điều 6 bằng cụm từ “Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh”; cụm từ “gửi trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” tại khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 7 và điểm a khoản 3 Điều 7 bằng cụm từ “gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia”; cụm từ “07 ngày làm việc” tại khoản 3 Điều 6 bằng cụm từ “05 ngày làm việc”; cụm từ “05 ngày làm việc” tại khoản 4 Điều 6 và điểm b khoản 4 Điều 8 bằng cụm từ “03 ngày làm việc”; cụm từ “đã bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 8” tại khoản 3 Điều 7 thành “đã bị thu hồi theo quy định tại Điều 7a”; cụm từ “Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 8 bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”; cụm từ “đề nghị không tiếp tục thực hiện” taị khoản 4 Điều 8 bằng cụm từ “đề nghị chấm dứt”; đoạn “gửi trực tiếp văn bản đề nghị kèm theo giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” tại điểm a khoản 4 Điều 8 bằng đoạn “gửi văn bản đề nghị qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia”.

2. Thay thế các Mẫu số 01, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số [105/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-105-2016-nd-cp-to-chuc-kiem-dinh-hieu-chuan-thu-nghiem-phuong-tien-do-chuan-do-luong-2016-315459.aspx) bằng các Mẫu số 01, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Thay thế Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2018/NĐ-CP bằng Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 5 Điều 5, khoản 5 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ngày tháng năm 20 .”

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Kiểm toán Nhà nước;  - Ngân hàng Chính sách Xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (5b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Mẫu số 01*** |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:…………….. | *………, ngày …. tháng …. năm 20....* |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG(1)**

**Kính gửi:** Uỷ ban Nhân dân tỉnh/thành phố…

1. Tổ chức đăng ký:…………..……………(tên tổ chức)........................................

Địa chỉ trụ sở chính(2):...............................................................................................

Điện thoại:………….….….; Fax:………..……………..; Email:............................

2. Mã số doanh nghiệp/Số đăng ký hoạt động khoa học công nghệ/Giấy chứng nhận đăng ký số(3):..................cấp ngày.........do............(4)......... cấp

3. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực sau:

3.1. Dịch vụ kiểm định:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường(5)** | **Phạm vi đo(6)** | **Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép(7)** | **Phương pháp thực hiện(8)** | **Ghi chú(9)** |
|  |  |  |  |  |  |

3.2. Dịch vụ hiệu chuẩn:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường(5)** | **Phạm vi đo(6)** | **Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép(7)** | **Phương pháp thực hiện(8)** | **Mã số công nhận ISO/IEC 17025(10)** | **Ghi chú(9)** |
|  |  |  |  |  |  |  |

3.3. Dịch vụ thử nghiệm:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường(5)** | **Phạm vi đo(6)** | **Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép(7)** | **Phương pháp thực hiện(8)** | **Mã số công nhận ISO/IEC 17025(10)** | **Ghi chú(9)** |
|  |  |  |  |  |  |  |

4. Địa điểm thực hiện(11):..............................................................................................

Điện thoại:………….……….….; Email:....................................

5. (Tên tổ chức đăng ký) xin cam kết tuân thủ đúng trách nhiệm quy định tại Điều 11 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Kính đề nghị Uỷ ban Nhân dân tỉnh/thành phố… xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo phương tiện đo, chuẩn đo lường./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo). | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

(1) Đăng ký dịch vụ nào thì ghi tên dịch vụ đó (ví dụ, đăng ký cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn phương tiện đo thì ghi “Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn phương tiện đo”,…). **Trường hợp đăng ký dịch vụ kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo nằm trong danh mục phương tiện đo nhóm 2 thì phải thực hiện theo văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.**

(2) Ghi rõ theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

(3) Điền *Mã số doanh nghiệp* theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc *Số đăng ký hoạt động khoa học công nghệ* theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc *số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm* trong trường hợp xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký.

(4) Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy.

(5) Ghi rõ tên phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

(6) Ghi rõ phạm vi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

(7) Ghi và có chú thích rõ thông tin.

(8) Ghi rõ tên, ký hiệu của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

(9) Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ “Bổ sung”. Trường hợp mở rộng, thu hẹp phạm vi đo: Ghi rõ “Điều chỉnh”.

(10) Ghi mã số được cấp trên chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực tương ứng

(11) Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm không cố định thì ghi “tại hiện trường”; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và không cố định thì kết hợp ghi cả hai.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Mẫu số 02*** |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC ----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:…………….. | *………, ngày …. tháng …. năm 20....* |

**BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NHÂN LỰC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục đăng ký dịch vụ** | | | **Chuẩn/phương tiện đo sử dụng([[1]](#footnote-1))** | | | | **Nhân viên thực hiện** | | | |
| **Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường** | **Tên dịch vụ([[2]](#footnote-2))** | **Phương pháp thực hiện([[3]](#footnote-3))** | **Tên chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng** | **Đặc tính kỹ thuật đo lường chính (phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số)** | **Nơi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm** | **Thời hạn hiệu lực** | **Thông tin cá nhân (Họ và tên, năm sinh)** | **Trình độ học vấn** | **Chứng chỉ đào tạo** | **Nơi cấp chứng chỉ** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(Tên tổ chức) xin cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

Hồ sơ kèm theo:

1. Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của chuẩn đo lường và phương tiện sử dụng để thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

2. Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

3. Trường hợp đăng ký kiểm định phương tiện đo theo phương pháp do tổ chức tự xây dựng, ban hành: Khi đăng ký lần đầu hoặc bổ sung lĩnh vực hoạt động, phải nộp kèm theo quy trình kiểm định tương ứng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ***Mẫu số 03*** |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ…** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…………….. | *………, ngày …. tháng …. năm 20....* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN[[4]](#footnote-4) ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG(1)**

*Căn cứ Luật đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ…*

*Căn cứ …;*

*Theo đề nghị của…., Uỷ ban Nhân dân tỉnh/thành phố…chứng nhận*:

1. Tên tổ chức:.........................................................................................................

Địa chỉ:..................................................................................................................

Điện thoại:…….……….….; Fax:………..……………..; Email:.......................

Đã đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động sau đây:

1.1. Dịch vụ kiểm định:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường(2)** | **Phạm vi đo(3)** | **Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép(4)** | **Phương pháp thực hiện(5)** | **Ghi chú(6)** |
|  |  |  |  |  |  |

1.2. Dịch vụ hiệu chuẩn:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường(2)** | **Phạm vi đo(3)** | **Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép(4)** | **Mã số công nhận ISO/IEC 17025(7)** | **Phương pháp thực hiện(5)** | **Ghi chú(6)** |
| 1. |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

1.3. Dịch vụ thử nghiệm:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường(2)** | **Phạm vi đo(3)** | **Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép(4)** | **Mã số công nhận ISO/IEC 17025(7)** | **Phương pháp thực hiện(5)** | **Ghi chú(6)** |
| 1. |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

Địa điểm thực hiện hoạt động(8):...........................................................................

Điện thoại:………….……….….; Email:....................................

2. Số đăng ký:........................................................................................................

3. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lần:.................................... (đầu, thứ hai...)(9)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Tên tổ chức đăng ký;  - Uỷ ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c); - ……………..; - Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo). | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

(1) **Đối với hoạt động kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và hiệu chuẩn, thử nghiệm chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thì không thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu này.**

(2) Ghi rõ tên phương tiện đo/chuẩn đo lường.

(3) Ghi rõ phạm vi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

(4) Ghi và có chú thích rõ thông tin.

(5) Ghi rõ tên, ký hiệu của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

(6) Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ “Bổ sung”. Trường hợp mở rộng, thu hẹp phạm vi đo: Ghi rõ “Điều chỉnh”.

(7) Ghi mã số được cấp trên chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực tương ứng

(8) Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm không cố định thì ghi “tại hiện trường”; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và không cố định thì kết hợp ghi cả hai.

(9) Đối với cấp lại: Ghi “Giấy chứng nhận được cấp lần thứ.... (hai/ba/tư...) và thay thế cho Giấy chứng nhận số… ngày… được cấp trước đó.

***Mẫu số 04***

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) **TÊN TỔ CHỨC ----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:…………….. | *………, ngày …. tháng …. năm 20....* |

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

(Thời gian kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm từ ngày……..đến ngày……….)

Kính gửi: ………………………………………………..

Tên tổ chức lập báo cáo:………………(tên tổ chức)..............................................

Giấy chứng nhận đăng ký số/Quyết định chỉ định số:.............................................

Ngày cấp:…………………………….Ngày hết hạn:..............................................

1. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường:

| **STT** | **Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường(1)** | **Số lượng(2)** | | **Số lượng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã cấp(3)** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đã kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm** | **Đạt yêu cầu** | **Dấu** | **Tem** | **Giấy chứng nhận** | **Ghi chú(4)** |
| **A. Lĩnh vực được chỉ định** | | | | | | | |
| I. | Kiểm định |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| II | Hiệu chuẩn |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| III | Thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| **B. Lĩnh vực được cấp giấy chứng nhận đăng ký** | | | | | | | |
| I. | Kiểm định |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| II | Hiệu chuẩn |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| III | Thử nghiệm |  |  |  |  |  |  |
| 1. |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

2. Kiến nghị, đề xuất:

......................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo). | **NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC** *(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)* |

(1) Ghi rõ tên từng phương tiện đo, chuẩn đo lường theo từng hoạt động trên giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định chỉ định đã được cấp.

(2) Ghi rõ số lượng phương tiện đo, chuẩn đo lường đã kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và số lượng đạt yêu cầu.

(3) Ghi rõ số lượng tem, dấu, giấy chứng nhận đã cấp cho phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng.

(4) Trường hợp tổ chức cấp giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm điện tử thì ghi chú vào dòng tương ứng.

1. Ghi rõ thông tin về tên, đặc tính kỹ thuật của chuẩn đo lường, phương tiện đo theo quy định của phương pháp thực hiện và theo thứ tự: các chuẩn đo lường ghi trước, các phương tiện đo ghi sau. Ví dụ: Áp kế chuẩn hiện số; độ chính xác: ±0,05 %FS; Viện Đo lường Việt Nam; 30/12/2026 [↑](#footnote-ref-1)
2. Ghi rõ tên dịch vụ đăng ký thực hiện: kiểm định hoặc hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm [↑](#footnote-ref-2)
3. Ghi rõ tên, ký hiệu của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo thứ tự: ban hành bởi Tổ chức đo lường pháp định quốc tế hoặc Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế hoặc Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế hoặc Uỷ ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia hoặc do tổ chức tự xây dựng, ban hành. **Trường hợp đăng ký dịch vụ kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo nằm trong danh mục phương tiện đo nhóm 2 thì phải thực hiện theo văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.** [↑](#footnote-ref-3)
4. [↑](#footnote-ref-4)